SỞ Y TẾ KHÁNH HÒA
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

KHOA XÉT NGHIỆM – CĐHA & TDCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do –Hạnh phúc

ilac-MRA

BUREAU OF ACCREDITATION VIETNAM
VILAS 1092

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số:....237../ KSBT – XN-CĐHA&TDCN.

1. Tên khách hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP SUỐI DẦU**
2. Địa chỉ: KCN Suối Dầu - Suối Tân - Cam Lâm - Khánh Hòa
3. Mã số mẫu: 13720VSNHĐ
4. Loại mẫu: Nước đã xử lý
5. Vị trí lấy mẫu: Tại nhà máy
6. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai thủy tinh vô khuẩn
7. Người gửi mẫu: /
8. Ngày lấy mẫu: 03/3/2020
9. Ngày nhận mẫu: 03/3/2020
10. Thời gian kiểm nghiệm: 03/3/2020 đến 05/3/2020
11. Ngày hẹn trả kết quả: 17/3/2020
12. Kết quả kiểm nghiệm: xem trang 2/2

Khánh Hòa, ngày 05 tháng 3 năm 2020

TRƯỞNG KHOA	GIÁM ĐỐC
Ths. Trương Thị Lan Anh	Huỳnh Văn Dong

SỞ Y TẾ TỈNH KHÁNH HÒA – TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH KHÁNH HÒA

- *Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu được kiểm nghiệm.*
- *Không được trích sao một phần của kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của giám đốc trung tâm*
- *Hết thời gian lưu mẫu Trung tâm không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm của khách hàng.*
- *Để biết thêm thông tin, xin liên hệ: Khoa Xét nghiệm – CĐHA & TDCN, địa chỉ: 04 Quang Trung – Nha Trang – Khánh Hòa. Điện thoại: 02583560811*

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

TT	TÊN CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM	GIỚI HẠN CHO PHÉP(**) / 100ml	KẾT QUẢ	PHƯƠNG PHÁP THỬ
1	Tổng số Coliforms(*)	0	< 1	TCVN 6187-2:1996
2	E.coli(*)	0	< 1	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú:

(*) : Chỉ tiêu đã được VILAS công nhận

(**) : Giới hạn cho phép theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dùng ăn uống (QCVN 01 : 2009/BYT)

Kết quả: "< 1" nghĩa là không có sự hiện diện của vi khuẩn trong mẫu nước

SỞ Y TẾ KHÁNH HÒA
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

KHOA XÉT NGHIỆM – CĐHA & TDCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do –Hạnh phúc

VILAS 1092

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số:...238..../ KSBT – XN-CĐHA&TDCN.

1. Tên khách hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP SUỐI DẦU**
2. Địa chỉ: KCN Suối Dầu - Suối Tân - Cam Lâm - Khánh Hòa
3. Mã số mẫu: 13820HNHĐ
4. Loại mẫu: Nước đã xử lý
5. Vị trí lấy mẫu: Tại nhà máy
6. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa PE
7. Người gửi mẫu: /
8. Ngày lấy mẫu: 03/3/2020
9. Ngày nhận mẫu: 03/3/2020
10. Thời gian kiểm nghiệm: 03/3/2020 đến 04/3/2020
11. Ngày hẹn trả kết quả: 17/3/2020
12. Kết quả kiểm nghiệm: xem trang 2/2

Khánh Hòa, ngày 05 tháng 3 năm 2020

TRƯỞNG KHOA	GIÁM ĐỐC
Ths. Trương Thị Lan Anh	Huỳnh Văn Dõng

- *Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu được kiểm nghiệm.*
- *Không được trích sao một phần của kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc trung tâm*
- *Hết thời gian lưu mẫu Trung tâm không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm của khách hàng*
- *Để biết thêm thông tin, xin liên hệ: Khoa Xét nghiệm – CĐHA & TDCN, địa chỉ: 04 Quang Trung – Nha Trang – Khánh Hòa. Điện thoại: 02583560811.*

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH KHÁNH HÒA

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

TT	Chỉ tiêu/Đơn vị	Phương pháp	Kết quả	Giới hạn cho phép(***)
1	Màu sắc (TCU) (*)	HACH 8025:2014	KPH	≤15
2	Mùi vị	Cảm quan	KPH	Không có mùi, vị lạ
3	Độ đục (NTU) (*)	TCVN 6184:2008	1,16	≤ 2
4	pH (*)	TCVN 6492:2011	6,97	Trong khoảng 6,5-8,5
5	Chỉ số Pecmanganat (mg/l)	TCVN 6186:1996	0,9	≤ 2
6	Hàm lượng Clorua (mg/l)	TCVN 6194:1996	21,3	≤ 250
7	Độ cứng, tính theo $CaCO_3$ (mg/l)	TCVN 6224:1996	8	≤ 300
8	Hàm lượng Nitrit (mg/l)	HACH 8507:2015	0,013	≤ 3
9	Hàm lượng Nitrat (mg/l)	HACH 8039:2014	2,0	≤ 50
10	Hàm lượng Sunphát (mg/l)	HACH 8051:2014	KPH	≤ 250
11	Hàm lượng Mangan tổng số (mg/l)	HACH 8149:2014	0,006	≤ 0,3
12	Hàm lượng Clo dư (mg/l)	HACH 8021:2014	0,4	Trong khoảng 0,3-0,5
13	Hàm lượng Sắt tổng số (Fe^{2+}+Fe^{3+}) (mg/l)	HACH 8147:2014	0,010	≤ 0,3

Ghi chú:

KPH: không phát hiện

(*): Chỉ tiêu đã được VILAS công nhận

(**): Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ

(***) : Giới hạn cho phép theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống (QCVN 01 : 2009/BYT)

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH KHÁNH HÒA

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

TT	Chỉ tiêu/Đơn vị	Phương pháp	Kết quả	Giới hạn cho phép (***)
1	Màu sắc (TCU) (*)	HACH 8025:2014	KPH	≤15
2	Mùi vị	Cảm quan	KPH	Không có mùi, vị lạ
3	Độ đục (NTU) (*)	TCVN 6184:2008	1,67	≤ 2
4	pH (*)	TCVN 6492:2011	7,43	Trong khoảng 6,5-8,5
5	Chỉ số Pecmanganat (mg/l)	TCVN 6186:1996	0,1	≤ 2
6	Hàm lượng Clorua (mg/l)	TCVN 6194:1996	21,3	≤ 250
7	Độ cứng, tính theo $CaCO_3$ (mg/l)	TCVN 6224:1996	6	≤ 300
8	Hàm lượng Nitrit (mg/l)	HACH 8507:2015	0,010	≤ 3
9	Hàm lượng Nitrat (mg/l)	HACH 8039:2014	2,0	≤ 50
10	Hàm lượng Sunphát (mg/l)	HACH 8051:2014	KPH	≤ 250
11	Hàm lượng Mangan tổng số (mg/l)	HACH 8149:2014	0,009	≤ 0,3
12	Hàm lượng Clo dư (mg/l)	HACH 8021:2014	0,5	Trong khoảng 0,3-0,5
13	Hàm lượng Sắt tổng số (Fe^{2+}+Fe^{3+}) (mg/l)	HACH 8147:2014	0.020	≤ 0,3
14	Hàm lượng Amoni (mg/l)	HACH 8038:2017	0,03	≤3
15	Hàm lượng Florua (mg/l)	HACH 8029:2014	KPH	≤ 1,5
16	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (mg/l)	HANNA	40	≤ 1000
17	Hàm lượng Nhôm (mg/l)	HACH 8326:2012	0,043	≤ 0,2
18	Hàm lượng Thủy ngân (mg/l)	AAS - Hydride	KPH	≤ 0,001
19	Hàm lượng Chì (mg/l)	AAS – Graphite	KPH	≤ 0,01
20	Hàm lượng Natri (mg/l)	AAS – Emission	4,7	≤ 200
21	Hàm lượng H_2S (mg/l)	HACH 8131:2015	KPH	≤ 0,05
22	Hàm lượng Asen tổng số (mg/l)	AAS - Hydride	0,0007	≤ 0,01
23	Hàm lượng Phenol và dẫn xuất (*)(**) (µg/l)	CASE.MT.0033	KPH	≤ 1
24	Hàm lượng Benzen (*)(**) (µg/l)	GC-B	KPH	≤ 10
25	Hàm lượng Benzo(a)pyren (**) (µg/l)	GC/MS	KPH	≤ 0,7
26	Hàm lượng Monoclorobenzen (**) (µg/l)	GC-B	KPH	≤ 300
27	Hàm lượng Monocloramin(**) (µg/l)	SMEWW	KPH	≤ 3
28	Tổng hoạt độ anpha (**) (pCi/l)	TCCS NN-11&12:2014	0,54 ± 0,27	≤ 3
29	Tổng hoạt độ beta (**) (pCi/l)	TCCS NN-11&12:2014	3,24 ± 0,54	≤ 30

Ghi chú:

KPH: không phát hiện

(*): Chỉ tiêu đã được VILAS công nhận

(**): Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ

(***) : Giới hạn cho phép theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống (QCVN 01 : 2009/BYT)

SỞ Y TẾ KHÁNH HÒA
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

KHOA XÉT NGHIỆM – CĐHA & TDCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do –Hạnh phúc

VILAS 1092

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 261..../ KSBT – XN-CĐHA&TDCN.

1. Tên khách hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP SUỐI DẦU**
2. Địa chỉ: KCN Suối Dầu - Suối Tân - Cam Lâm - Khánh Hòa
3. Mã số mẫu: 15620VSNHĐ
4. Loại mẫu: Nước đã xử lý
5. Vị trí lấy mẫu: Tại nhà máy
6. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai thủy tinh vô khuẩn
7. Người gửi mẫu: /
8. Ngày lấy mẫu: 09/3/2020
9. Ngày nhận mẫu: 09/3/2020
10. Thời gian kiểm nghiệm: 09/3/2020 đến 11/3/2020
11. Ngày hẹn trả kết quả: 23/3/2020
12. Kết quả kiểm nghiệm: xem trang 2/2

Khánh Hòa, ngày 16 tháng 3 năm 2020

TRƯỞNG KHOA	KT. GIÁM ĐỐC
Ths. Trương Thị Lan Anh	

- *Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu được kiểm nghiệm.*
- *Không được trích sao một phần của kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của giám đốc trung tâm*
- *Hết thời gian lưu mẫu Trung tâm không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm của khách hàng.*
- *Để biết thêm thông tin, xin liên hệ: Khoa Xét nghiệm – CĐHA & TDCN, địa chỉ: 04 Quang Trung – Nha Trang – Khánh Hòa. Điện thoại: 02583560811*

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

TT	TÊN CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM	GIỚI HẠN CHO PHÉP(**) / 100ml	KẾT QUẢ	PHƯƠNG PHÁP THỬ
1	Tổng số Coliforms(*)	0	< 1	TCVN 6187-2:1996
2	E.coli(*)	0	< 1	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú:

(*) : Chỉ tiêu đã được VILAS công nhận

(**) : Giới hạn cho phép theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dùng ăn uống (QCVN 01 : 2009/BYT)

Kết quả: "< 1" nghĩa là không có sự hiện diện của vi khuẩn trong mẫu nước